

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/BHC/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH,
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213
E-mail: E. bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN010212/1 – được cấp lần đầu ngày 24.02.2014 và nơi cấp Bureau Veritas Certification.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TINH LUYỆN**

2. Thành phần: Đường mía 100 %.

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 1 kg.
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng túi OPP/PE/LDPE, PET/PE/LDPE. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ : Việt Nam

Công ty chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

5.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.



III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- **Tiêu chuẩn quốc gia đường tinh luyện:** TCVN 6958:2023, mục 6 – Yêu cầu về An toàn thực phẩm.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

Stt	Chỉ tiêu	Mức công bố
1	Trạng thái	Tinh thể trắng, tơi khô.
2	Mùi vị	Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ
3	Màu sắc	Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt
4	Độ Pol, °Z	≥ 99,8
5	Hàm lượng Lưu huỳnh dioxit (SO ₂) mg/kg	< 7

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 8 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Minh Nhật



백설탕

ĐƯỜNG TINH LUYỆN
Refined Sugar

Thành phần dinh dưỡng trong
100 g sản phẩm:

Năng lượng	399,6 kcal
Carbohydrat	99,9 g

Thành phần:

Đường mía 100%

Hướng dẫn sử dụng:

Sử dụng trực tiếp trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

Ngày sản xuất:

Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng:

Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.

Xuất xứ: Việt Nam.

Số TCB: 10/BHC/2024

L.ONS B

shu

Phan Thi Thu



백설탕

ĐƯỜNG TINH LUYỆN

Refined Sugar

KHỐI LƯỢNG TỊNH

1 kg



Duy ết



Phan Minh Nhật

Đường sạch

Nguyên chất

Giữ trọn hương vị

Quy trình khép kín hiện đại

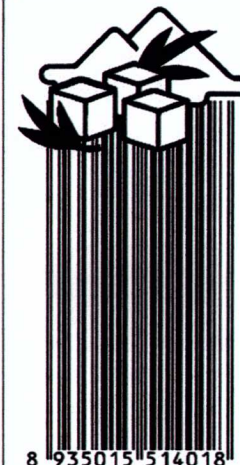
Công ty chịu trách nhiệm về
hàng hóa và sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU
DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên
Hòa 1, Phường An Bình, Thành
phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam.

Công ty phân phối:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
THƯƠNG MẠI LOTTE VIỆT NAM.

Địa chỉ: 469 Nguyễn Hữu Thọ,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



P. QHSB
Phan Thị Thu



Duy ết

Phan Minh Nhật

90mm

420mm

12 cm

3 cm

700mm

10 cm

CHOICE

L

KHÔNG CHẤT TẮY TRẮNG

100%

ĐƯỜNG MÍA

DƯ VỊ NGỌT THANH

백설탕

ĐƯỜNG TINH LUYỆN

Refined Sugar

Đường sạch

Nguyên chất

Giữ trọn hương vị

Quy trình khép kín hiện đại

20 TÚI X 1 KG

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm

HSD: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ NSX

ĐƯỜNG TINH LUYỆN 20 TÚI X 1 KG

Recycling symbol

Waste disposal symbol

Giữ môi trường sạch đẹp, vứt rác thải vào thùng rác của thị xã

ĐƯỜNG TINH LUYỆN 20 TÚI X 1 KG



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00149211
Mã số kết quả : AR-23-VD-153242-02-VI / EUVNHHC-00242232

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dưng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Đường tinh luyện
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 16/11/2023
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2023 - 22/11/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/11/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2311162064

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDA04 VD (a) Định tính GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
2	VDA04 VD (a) Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
3	VDA04 VD (a) Định tính GMO: Terminator NOS (iNOS) (LOD=0.01%)		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
4	VD325 VD Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ 10 g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=100)
5	VD39E VD Nấm men và nấm mốc	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 47:2015	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD129 VD (a) Carbohydrates	%	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	100
7	VD165 VD (a) Béo	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)
8	VD263 VD (a) Đạm	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	Không phát hiện (LOD=0.1)
9	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	400
10	VDSAC VD (a) Hàm lượng Sacharose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	99.9
11	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.03)
12	VD290 VD Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	GS 2-33 (2022)	Không phát hiện (LOD=3)
13	VD297 VD (a) Tro tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.05)
14	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD861 VD (a) Chl (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
18	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	
21	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Không có mùi lạ.
22	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	
23	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	
24	VD6WV VD (a) Độ màu	IU	GS 2/3-10 (2011)	28.0
25	VDDSZ VD (a) Tro dẫn điện	%	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	0.003

(1) Tinh thể tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục.

(2) Tinh thể đường có màu trắng đến trắng sáng, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

(3) Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có vị lạ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCMLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/12/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/12/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.

Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-23-VD-153242-01/743-2023-00149211, xuất ngày 24/11/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00008514	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-010350-01-VI / EUVNHC-00251672	

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu :	Đường tinh luyện
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu :	19/01/2024
Thời gian thử nghiệm :	20/01/2024 - 23/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/01/2024
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2401182186

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204 (Ref. QuPpe-Method, Ref. AppNote 9/2013, GERSTEL)	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD3AR VD (a) 2,4-D	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11851 (Ref. EURL-SMR: QuPpe PO Method & EURL-SMR: QuPpe AO Method)	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD3AU VD (a) Dicamba	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11851 (Ref. EURL-SMR: QuPpe PO Method & EURL-SMR: QuPpe AO Method)	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD3GC VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD3ZA VD (a) Cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD3PE VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ

Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm và Thức Ăn Chăn Nuôi HCM

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 05/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 05/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

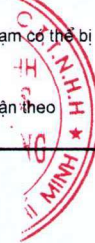
Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 27 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG
BIÊN HOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai,
Việt Nam

Điện thoại: 0251.3836199

Fax: 0251.3836213

Email: bhs@bhs.vn

Website: www.bhs.vn

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG HUYNH ỨC MY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 12/12/1981 Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079181030713

Ngày cấp: 08/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 10123 quyền số: 2 SCT/BS

Ngày: 19-04-2024



Nguyễn Thị Thảo

W. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Le Hoàng Huỳnh



**BUREAU
VERITAS**

Bureau Veritas Certification

Giấy chứng nhận cấp cho

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

COID - VNM-1-6756-908057

Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FOOD SAFETY SYSTEM CERTIFICATION 22000 - FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau:

ISO 22000:2018

ISO TS 22002-1:2009 Các chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm Phần 1: Sản xuất thực phẩm

Và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V5.1

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

SẢN XUẤT ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TINH LUYỆN, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG PHÈN, ĐƯỜNG LỎNG, ĐƯỜNG MÍA LỎNG, ĐƯỜNG VIÊN, ĐƯỜNG THANH, ĐƯỜNG NẤU, ĐƯỜNG ĐEN, ĐƯỜNG TRỘN, ĐƯỜNG KHOÁNG CHẤT VÀ MẬT (NƯỚC MÀU)

ĐÓNG GÓI ĐƯỜNG NẤU, ĐƯỜNG ĐEN VÀ ĐƯỜNG ĂN KIẾNG

FSSC – Danh mục Chuỗi Thực phẩm

CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường

FSSC - Ngày chứng nhận ban đầu:

24-02-2014

Ngày hết hạn chu kỳ trước:

26-02-2023

Ngày quyết định chứng nhận:

23-02-2023

Ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận:

23-02-2023

Dựa trên sự vận hành thỏa mãn liên tục của Hệ Thống Quản lý của tổ chức,

Giấy Chứng Nhận có hiệu lực đến ngày:

26-02-2026

Số giấy chứng nhận/Phiên bản:

VN010212 - 1

Số hợp đồng:

17586483

Ngày cấp:

23-02-2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 15 tháng 8 năm 2024



Phan Minh Nhật



0008

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS Chi nhánh UK

FSSC 22000

Địa chỉ tổ chức chứng nhận: 66 Prescott Street, London E1 8HG, United Kingdom

Văn phòng tại Việt Nam: Tầng 4, Tòa nhà Etown 1, Số 364 đường Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin chi tiết hơn về phạm vi chứng nhận và việc áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý có thể có được thông qua việc thảo luận với tổ chức nói trên.

Giấy chứng nhận này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS chi nhánh UK

Hiệu lực của giấy chứng nhận này có thể được xác minh trong cơ sở dữ liệu FSSC 22000 của tổ chức được chứng

nhận có sẵn trên <http://www.fssc22000.com>

UKAS FSSC Template of certificate V5.1 Cat CKD2a rev 1.3

April 20, 2023

